

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 5 năm 2021

“Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Đặng Quang Hoạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2021 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 1, ấp SM, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp BH, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Tr và chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tường trình nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Tr trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Minh Ph, sau khi tìm hiểu đã đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43/BS, quyền số 01/2015 ngày 26/3/2015.

Trong quá trình chung sống, giai đoạn đầu hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng đã không còn sống chung 02 năm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Ph.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 21/11/2016. Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tr đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, tự nuôi sống mình.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận việc nên anh Tr có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh Ph trình bày:* Chị và anh Tr có đăng ký kết hôn tự nguyện như anh Tr trình bày là đúng. Nay anh Tr nộp đơn xin ly hôn thì chị không đồng ý vì chị là người theo đạo, không được phép ly hôn. Tuy nhiên, nếu anh Tr vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn, vì giữa hai bên không có biện pháp hàn gắn, không còn tiếng nói chung, anh Tr nghe lời mẹ ruột nên làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, giữa hai người cũng không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau.

Về con chung: có 01 con chung như anh Tr trình bày là đúng. Vì cháu còn nhỏ và đang sống với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án tiếp tục giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng như anh Tr đề xuất.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Do bận việc nên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: anh Tr và chị Ph có đăng ký kết hôn tự nguyện và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai người đã ly thân hai năm, hiện không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tr về việc ly hôn với chị Ph.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 21/11/2016. Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và được chị Ph đồng ý đồng ý nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tr tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, yêu cầu này cũng được chị Ph chấp nhận nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: các đương sự khai không có; về án phí: anh Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quốc Tr có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Minh Ph, địa chỉ tại ấp BH, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Do đó, anh Tr được xác định là nguyên đơn, chị Ph được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung” và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr và chị Ph kết hôn vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom

cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/3/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay anh Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Ph và được Tòa án thụ lý ngày 16/3/2021 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo nguyên đơn trình bày, trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, đã hơn 02 năm hai người đã không còn sống chung, không cùng mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nên anh Tr xin ly hôn (bút lục 10, 18). Yêu cầu ly hôn của anh Tr cũng chị Ph đồng ý, vì thực sự hai bên không còn biện pháp hàn gắn (bút lục 19). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa anh Tr và chị Ph là trầm trọng, đời sống hôn nhân giữa hai người không thể kéo dài và mục đích hôn nhân của anh Tr và chị Ph không đạt được nên anh Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ph là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh Tr và chị Ph có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 21/11/2016. Khi ly hôn, anh Tr đồng ý giao con chung cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (bút lục 18). Về việc giao con chung đã được chị Ph đồng ý (bút lục 19) và hiện nay con chung cũng đang sinh sống ổn định cùng chị Ph. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị Ph tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống mình. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con đã được chị Ph đồng ý và phù hợp với thu nhập của anh Tr nên cần chấp nhận để đảm bảo cho đời sống của con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Anh Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc Tr được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh Ph.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Minh Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Quốc Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Minh Ph có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Quốc Tr không cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận như trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006019 ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Anh Nguyễn Quốc Tr còn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Bắc Sơn;
- (theo PGiấy CNKH số: 43/BS, ngày 26/3/2015)
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán;
- Mẫu 52-DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Phú Tra